

Mật Tạng Bộ 1 _ No.905 (Tr.909 _ Tr.912)

PHÁP ĐÀ LA NI BÍ MẬT CỦA BA LOẠI TẮT ĐỊA PHÁ ĐỊA NGỤC CHUYỂN NGHIỆP CHƯỚNG RA KHỎI BA CỖ

Hán dịch: Nước Trung Thiên Trúc_ Tam Tạng THIÊN VÔ ÚY phụng chiếu
dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Việc Pháp của Du Già, ước có ngàn điều, chỉ lược thuật chút phần.

Mở miệng, nâng lưỡi chấn cung Pháp Giới. Đức **Liên Hoa Tạng Thế Giới Như Lai** ra khỏi Định liền đập phá Địa Ngục, chuyển Nghiệp Chướng ra khỏi ba cõi.

Nên biết như Pháp an bày chữ (bố tự) trong mão, bàn tay . Bậc Nhân Chủ (vị vua) đội trên đỉnh đầu khiến cho vạn nước thanh bình. Quan Tiết Độ quan sát viết chép Chân Ngôn trên Tinh Kỳ (Lá cờ) khiến cho bốn phương yên tĩnh. Chuyên Thành Thái Thú trấn át gom chung, hoặc trên cái trống, Tù Và ghi chữ nghiêm cấm rắn đe. Âm thanh của cái trống vang xa khiến cho Yêu Khí trong lành, lửa rục bày xa ngàn dặm. Lúa mạ tốt tươi, người không có tai dịch. Địa Thổ Thần Kỳ (Thổ Địa, Thần Đất) khiến cho gió hòa mưa thuận. Niệm tụng, viết trên trống trận khiến quân giặc tự hàng, chẳng hao tổn một người nên gọi là **Kim Cương Cổ** (cái trống Kim Cương)

Cúi lạy **Tỳ Lô Giá Na Phật** (Vairocana)

Hé mở mặt tịnh như hoa sen

Thầy Trời Người điều ngự ba cõi

Đấng **Đại Bồ Đề Tâm** cứu đời

Pháp Chân Ngôn thâm diệu gia trì

Chảy vào **Vô Sinh** , Môn chữ A (𑖀)

Bạch Hào Vô Tướng Chính Biến Tri

Viên mãn luôn chiếu như Nhật Nguyệt

Nghiệp **Thân Khẩu Ý** thành ba Mật

Ba Mật liền thành Pháp **Ứng Hóa**

Năm Luân năm Trí thành năm Phần

Năm Phần nhiếp hết **Pháp Giới Luân**

A Súc (Akṣobhya), Bảo Sinh (Ratna-saṃbhava), Đấng Cứu Thế

Di Đà (Amitābha), Thành Tựu Bất Không Vương (Amogha-siddhi)

Thành nơi **Tất Địa Cát Tường Luân**

Truyền Diệu Pháp này hóa các Hữu

Từ Tâm Tự Tại, Giáng Tam Thế (Trailokya-vijaya)

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) Bất Động Tôn (Acala)

Thệ Nguyện **Vô Vi** ứng thời kỳ

Xong việc Du Già về **Kim Sát**

Đức Phật nói:”Chữ A (𑖀_A) thuộc **Kim Cương Bộ** (Vajra-kula), chủ về **gan** (can). Chữ A tức là **Lý Pháp Thân** của Đại Nhật Như Lai, sự thanh tịnh của Bản Tính, Không (Gagana:hư không) rớt ráo chẳng thể đắc, Bản Tính của tất cả chúng sinh có Tâm Đại Bồ Đề, chủng tử của **Kim Cương Địa Luân, Kim Cương Bộ Mạn Trà La**. Nếu quy ước theo Danh Sắc thì **Địa** (Pṛthivi : đất) là Sắc Pháp (Rūpa-dharma), là Thức Uẩn (Vijñāna_skandha) trong năm Uẩn (Pañca-skandha) là tâm duy trì đất (Trì Địa). Chủng tử ấy chẳng tịnh. Phạm năm Tạng là Sắc Pháp, trong năm Uẩn thì Thức Uẩn là tâm phát sinh cho nên quy ước theo Danh Sắc thì Địa (Pṛthivi) là Sắc Pháp vậy.

Nay gan chủ về **Hồn** , Thần Khí của Hồn là phương Đông với **Mộc** (cây cỏ...), Mộc là sự trống rỗng của Sắc (Sắc Không), Mộc chủ về mùa xuân, nó có màu xanh, màu xanh sinh từ Mộc, Mộc sinh từ Thủy (Ab:nước).

Gan sinh từ màu xanh với Thận, hình như cánh hoa sen dựng đứng,khoảng giữa của nó có đỉnh hạt tròn của cổng ra (lư châu), thịt của cổng ra ở ngay bên trái lồng ngực. Gan xuất ra làm con mắt, chủ về gân, tận cùng của gân là móng

Nay dùng năm Tự Môn chủ về năm Tạng sáu Phủ cho nên trong ngoài giao tiếp nhau. Biết rõ điều này mà dùng.

Lại vị chua phần lớn nhập vào gan, tăng gan tổn bao tử. Nếu trong bao tử không có Hồn thì phần lớn bị hôn trầm mờ mịt. Phổi hại gan thành bệnh.

Nếu như Kim khắc Mộc thì phổi mạnh gan yếu, nên ngưng tâm ở phổi, dùng khí màu xanh nhiếp lấy khí màu trắng thời bệnh ở gan được khỏi, (𑖀_A) dính với khí màu xanh vậy

Chữ Tông (𑖩_VAM) thuộc **Liên Hoa Bộ** (Padma-kula) chủ về **phổi** (phế). Chữ Tông là chuyển thứ mười một, chữ **Vĩ** (𑖪_VI) là chuyển thứ ba, chuyển thích nghĩa của chữ A tức là chủng tử **Đại Chuyển Luân** thuộc nước biển Trí của Đại Nhật Như Lai, Pháp thân thông tự tại gọi là **Trí Pháp Thân** cũng gọi là **Báo Thân**. Đây tức là **Liên Hoa Bộ Mạn Trà La** vậy

Tạng phổi (Phế Tạng) chủ về **Phách**, hình thể của Phách như đóa hoa chủ về lá lách (Tỳ) là hành Kim ở phương Tây. Kim chủ về mùa Thu, có sắc màu trắng. Màu trắng sinh từ **Gió** (phong), gió sinh từ dương khí của Đất. Là Tướng Uẩn (Samjñāna-skandha)trong năm Uẩn , là tâm giữ gìn gió (Vāyu:phong)

Tướng Tâm sinh từ Thức (Vijñāna), **Thức Tâm** sinh từ Hành (Saṃskāra) ở quá khứ, Hành ở quá khứ sinh từ Vô Minh (Avidya), Vô Minh sinh từ Vọng Tưởng, vọng tưởng quay trở lại sinh từ vọng tưởng, là **mười hai duyên** luân hồi vậy.

Phổi sinh từ màu trắng với lá lách, vị cay vào phổi làm tăng phổi hại gan. Nếu trong phổi không có **phách** thì bị bệnh điên cuồng sợ hãi. Tim hại phổi thành bệnh.

Nếu như Hỏa (lửa) khắc Kim thì tim mạnh phổi yếu. Nên ngưng tâm ở trái tim, dùng khí màu trắng nhiếp lấy khí màu đỏ thời bệnh ở phổi sẽ khỏi. (𑖩_VAM) là chữ của khí màu trắng.

Chữ Lam (ळ -RAM) thuộc **Bảo Bộ** (Ratna-kula) chủ về **trái tim** (Tâm). Chữ Lam là chủng thuộc đất tâm (Tâm Địa) của Đại Nhật Như Lai, chủng tử của **Hỏa Đại** (Agni), nhà ở của chư Phật ba đời... thiêu đốt vọng chấp, bụi dơ vô minh từ vô thủy của tất cả chúng sinh, sinh ra mầm giống của Tâm Bồ Đề. Chuyển thích nghĩa của chữ A tức là **Ứng Hóa Thân Như Lai**. Thật là **Hỏa Sinh Mạn Trà La** của **Trí Pháp Thân**

Trái tim chủ về **Thần**, có hình như con chim, là **Hỏa** (lửa) ở phương Nam. Hỏa chủ về mùa Hạ có sắc màu Đỏ. Màu đỏ sinh từ hỏa (lửa), hỏa sinh từ Mộc, là **Thọ Uẩn** (Vedanà-skandha) trong năm Uẩn, là tâm giữ gìn lửa (hỏa). Thọ Tâm sinh từ Tướng Tâm. Lại trái tim sinh từ màu đỏ với lá gan, trái tim sinh làm cái lưới chủ về máu, tận cùng của máu là sữa. Lại chủ về lỗ tai, chuyển mũi, cổ họng, sống mũi, vầng trán, gò má... vị đắng phần lớn vào trái tim, tăng tim tổn phổi.

Nếu trong trái tim không có Thần thì hay quên mất trước sau, thậm hại tim thành bệnh.

Nếu như Thủy khắc Hỏa thì thậm mạnh tim yếu, nên ngưng tâm ở Thần, dùng khí màu đỏ nhiếp lấy khí màu đen thời bệnh tim sẽ khỏi, (ळ -RAM) là chữ của khí màu đỏ.

Chữ Hàm (ळ -HAM) thuộc **Yết Ma Bộ** (Karma-kula) chủ về **Thận**, chữ Hồng (ळ -HUM) tức là chữ Hạ (ळ -HA) chuyển, tức là thọ lượng thường trụ của Đại Nhật Như Lai, chủng tử của **Phong Đại** (Vàyu), nghĩa của ba bờ mé của ba môn Giải Thoát chẳng thể đặc, **Pháp Thân Đại Lực Mạn Trà La**

Gió (Phong) tức là nơi giữ gìn của **Tướng Uẩn Tâm**. Năm Tạng là: Gan, phổi, tim, lá lách, thận. Bao tử (vị:dạ dày) là một tên gọi trong sáu Phủ (dạ dày, mật, ruột già, ruột non, bàng quang, tam tiêu). Bao tử, lúa gạo chứa trong bụng là Tỳ Phủ, nước biển của năm Tạng sáu Phủ. Lúa gạo đều vào bao tử, năm Tạng sáu Phủ đều vâng theo bao tử. Năm vị nếm đều tuôn chảy, vị nhạt tốt nhập vào bao tử cho nên Thận vâng theo bao tử.

Thận ở bên dưới rốn, eo. Bên trái gọi là Thận, bên phải gọi là **Mệnh Môn**. Thận ban bố cho trái tim, cái bụng (bao tử, thận) nơi ngủ nghỉ, ghi nhận Tinh của Thủy

Thận chủ về **Chí**, là phương Bắc với **Thủy** (nước). Thủy chủ về mùa Đông có sắc màu đen. Trong năm Uẩn là **Hành Uẩn** (Saṃskāra-skandha), là tâm giữ gìn nước (thủy). **Hành Tâm** sinh từ **Thọ Tâm**, Thọ Tâm sinh từ **Tướng**. Thận sinh từ khí màu với phổi, chủ về lỗ tai. Thân sinh ra xương cốt chủ về **Tủy**, cùng tận của Tủy là lỗ tai, sữa. Cùng tận của xương là răng. Vị mặn phần lớn nhập vào Thận làm tăng Thận tổn tim. Nếu trong Thân không có **Chí** thì phần nhiều buồn khóc, Lá Lách hại Thận thành bệnh

Nếu như **Thổ** khắc Thủy thì lá lách mạnh Thận yếu, nên ngưng tâm ở Lá Lách dùng khí màu đen nhiếp lấy khí màu vàng thời bệnh Thận sẽ khỏi, (ळ -HAM) là chữ của khí màu đen.

Chữ Khiếm (𑖇-KHAM) thuộc **Hư Không Bộ** (Gagana-kula) chủ về Lá Lách. Chữ 𑖇 tức là Tướng **Vô Kiến Đỉnh** của Đại Nhật Như Lai, nơi Đại Không Trí mà năm Đức Phật đã chứng, Lý Trí của Chân Như Tịch Diệt, **Bồ Đề Đạo Trường** mà chư Phật ba đời ở mười phương đã chứng, là **Thù Thắng Mạn Trà La**

Lá Lách chủ về **Ý**, là phương Trung Ương với **Thổ** (đất). Thổ chủ về **Quý Hạ** có sắc màu vàng. Màu vàng sinh từ đất (địa), đất sinh từ lửa (hỏa). Như trước nói **Thức Uẩn** trong năm Uẩn là tâm giữ gìn Địa (đất) hoặc làm **Mộc Tạng**. Mộc có màu xanh là **Không** (Gagana:hư không). Lá Lách sinh từ khí màu vàng với trái tim, chủ về cái miệng làm **Chí**. Vị ngọt phần lớn nhập vào lá lách, tăng lá lách tổn Thân.

Nếu trong lá lách không có Ý thì phần lớn bị nghi ngờ, gan hại lá lách thành bệnh. Nếu như Mộc khắc Thổ thì gan mạnh lá lách yếu, nên ngưng tâm ở gan, dùng khí màu vàng nhiếp lấy khí màu xanh thời bệnh của lá lách sẽ khỏi. (𑖇-KHAM) là chữ của khí màu vàng.

Năm **Tạng** như hoa sen xinh đẹp hướng xuống bên dưới. Bên trong là năm Tạng, nên ngoài là năm **Hành** xuất ra thành hình thể, đây tức là **Danh** (Nàma). **Sắc** (Rùpa) tức là bốn **Đại** năm **Căn**; **Danh** tức là bốn **Uẩn Tâm** của nhóm Tướng, Hành. Tức là mặt trời, mặt trăng, năm vì sao (ngũ Tinh) 12 **Cung**, 28 **Tú** thành Thể của con người vậy.

Núi, biển, đại địa xuất ra từ chữ **A** (𑖇_A)

Sông lớn, sông nhỏ, giòng chảy xuất ra từ chữ **Tông** (𑖇_VAM)

Vàng, ngọc, trân bảo, mặt trời, mặt trăng, các vì sao (Tinh Thần), quả cầu lửa (hỏa châu), ánh sáng theo chữ **Lam** (𑖇_RAM) mà thành

Năm loại lúa đậu (ngũ cốc), quả trái, mọi bông hoa hé nở đều nhân theo chữ **Hàm** (𑖇-HAM) mà kết

Mùi thơm của các cõi, người Trời xinh đẹp, nuôi dưỡng nhan sắc, mùi vị ngon bổ, tướng mạo đoan chính, phúc đức, phú quý đều từ chữ **Khiếm** (𑖇-KHAM) mà trang nghiêm.

Chữ **A** (𑖇_A) là A Súc Như Lai (Akṣobhya Tathàgata) ở phương Đông.

Chữ **TÔNG** (𑖇_VAM) là Đức A Di Đà (Amitàbha Tathàgata) ở phương Tây.

Chữ **LÃM** (𑖇_RAM) là Đức Bảo Sinh Như Lai (Ratna-Sambhava Tathàgata) ở phương Nam.

Chữ **HÀM** (𑖇_HAM) là Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi Tathàgata) ở phương Bắc.

Chữ **KHIẾM** (𑖇_KHAM) là Đức Tỳ Lô Giá Na Đại Nhật Như Lai (Vairocana Tathàgata) ở phương trên

Chữ **A** (𑖇) có ý rất sâu xa, là Thể của Không Tịch (vắng lặng trống rỗng), lấy mà chẳng thể lấy, bỏ mà chẳng thể bỏ. Mẫu của vạn Pháp, Đại Quán Đỉnh là

chữ A (𠄎) vậy. Chữ A (𠄎) là Pháp khó tin hiểu (nan tín) đặc biệt đừng cho hàng Luật Sư Tiểu Thừa trông thấy.

Năm Bộ của Bản này được trích ra từ 40 vạn câu của Bản Phạn. Kinh Tỳ Lô Giá Na Kim Cương Đỉnh gom tập yếu diệu thì ruộng Phước tối thượng chỉ là Chân Ngôn năm Chữ này. Người tụng gặt hái được Công Đức chẳng thể so sánh, chẳng thể luận bàn, chẳng thể nói hết được.

Chân Ngôn năm Bộ của Kinh Kim Cương Đỉnh. Nếu được thọ trì, đọc tụng, quán chiếu Lý Tính sẽ khiến cho người được Phước, xương cốt bền chắc, thân thể vững vàng, vĩnh viễn không bị khổ đau về tai chướng và các thứ bệnh, lại được nhiếp dưỡng trường thọ

Môn năm chữ này là búi tóc của năm Trí, là tim gan của năm Phật, là khuôn mẫu Năng Tịch Trí của chư Phật ba đời ở mười phương, là cha mẹ nuôi dưỡng tất cả chúng sinh, là kho tàng của mười phương Pháp Giới... hay vì Ma ác, Oán chiến của ba đời mà đạt được thắng lợi của ba đời như áo giáp, mâu, khiên, cung tên, khí trượng. Chính vì thế cho nên chư Phật Bồ Tát ba đời ẩn mất tại nơi này thì sinh ra mầm giống trong nơi này, tức là Chủng Tử vậy

Số ghi: Lại Tòa của Du Già này là Kim Cương Phương Luân màu vàng tức là Kim Cương Tòa



A (𠄎_ A) là Kim Cương Địa Bộ, chữ A thứ nhất làm Địa Quán (quán đất), Kim Cương Tòa Quán (quán Tòa Kim Cương)



Tông (𠄎_ VAM) là Kim Cương Thủy Bộ, chữ Tông thứ hai làm Thủy Quán (quán nước), Liên Hoa Quán (quán hoa sen)



Lam (𠄎_ RAM) là Kim Cương Hỏa Bộ, chữ Lam thứ ba làm Nhật Quán (quán mặt trời)



Hàm (𠄎_ HAM) là Kim Cương Phong Bộ, chữ Hàm thứ tư làm Nguyệt Quán (quán mặt trăng)



Khiem (𠄎_ KHAM) là Kim Cương Không Bộ, chữ Khiem thứ năm làm Không Quán (quán hư không)



Như Lai Thế Tính Vô Sinh Quán (Quán Thế Tính không sinh của Như Lai)

Chân Ngôn của năm Bộ bên trên là chất báu Đê Hồ thuộc Cam Lộ Vô Sinh của tất cả Như Lai, là thuốc màu nhiệm (Diệu Dược) của Phật Tính. Một chữ nhập vào Ngũ Tạng (Tim, gan, lá lách, phổi, thận) thì vạn bệnh chẳng sinh huống chi là tu Nhật Quán, Nguyệt Quán. Tức thời chứng được sự trống rỗng vắng lặng (Không Tịch) của Thân Phật

A TÔNG LÂM HÀM KHIẾM (𑖀 𑖩 𑖦 𑖫 𑖪 _ A VAM RAM HAM KHAM) . Năm chữ bên trên là **Pháp Thân Chân Ngôn** . Nếu một ngày tụng một biến hoặc 7 biến hoặc 21 biến hoặc 49 biến. Nếu đem so sánh Công Đức thời Phước của một biến như chuyển Tạng Kinh 100 vạn biến (Tạng Kinh là tất cả Kinh) huống chi là ngôi **Thiên Tịch** nhập vào **Định Môn**. Từ chữ A quán chiếu chân thật rõ ràng rành rẽ như mặt trời chiếu sáng trên không tức là quán thấy rõ (Liễu quán) Phật Tính sẽ gặt được Phước không có gì sánh được.

Văn Cú của Bí Tạng thật chẳng thể luận bàn chỉ sợ hàng Pháp Sư Thanh Văn, bậc Trì Luật của hàng Tiểu Thừa sinh nghi ngờ chẳng tin mà thêm tội cho người đó. Ví như Đức Vua có người con nhỏ nên rất thương yêu vỗ về thân cận, bao nhiêu châu báu trong kho tàng đều dốc cho hết cũng chẳng tiếc nhưng chẳng thể cho Kiểm Can Tương Mạt Tà vì sợ không biết vận dụng mà hại cho thân thể. Chính vì thế cho nên Đức Như Lai chỉ mật truyền cho hàng Đại Bồ Tát mà chẳng truyền cho hàng Thanh Văn kém Tuệ: **Đạt lô ma đà Đô Pháp Thân Như Lai Chân Thật** vậy

Từ Nách đến đỉnh đầu là **Thượng**, từ rốn đến nách là **Trung**, từ bàn chân đến rốn là **Hạ**.

Ở trong Chân Ngôn cần phải phân biệt ba loại Thành Tựu

Hạ Phẩm Tất Địa: A La Ba Tả Na (𑖀 𑖩 𑖫 𑖪 𑖪 _ ARAPACANA) có tên là **Xuất Tất Địa** hay sinh cọng rễ tràn khắp bốn phương. Tụng một biến như chuyển Tạng Kinh 100 biến (Nếu tụng một biến như tụng 84020 Vi Đà Tạng Kinh trừ tất cả nạn khổ của Hành Nhân) liền vào tất cả Pháp bình đẳng của Như Lai, tất cả Văn Tự cũng đều bình đẳng, mau được thành tựu Ma Ha Bát Nhã

Tụng hai biến sẽ trừ diệt tội nặng trong ức kiếp sinh tử. Văn Thù, Phổ Hiền luôn đi theo, bốn Chúng vây quanh như chuẩn bị. Thiện Thần Hộ Pháp **Từ Vô Úy** (hiền lành không đáng sợ) đó ở ngay trước mặt người ấy

Nếu tụng ba biến thời Tam Muội hiện tiền

Nếu tụng bốn biến thời chẳng quên Tổng Trì

Nếu tụng năm biến thời mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

Trung Phẩm Tất Địa A Vĩ La Hàm Khiếm (𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖛_ AVIRA HÙM KHAM) có tên gọi là **Nhập Tất Địa** hay sinh càn lá tràn khắp bốn phương. Vì quang minh sáng tỏ nhập vào Pháp Giới của Phật nên có tên là Nhập Tất Địa. Nếu tụng một biến như chuyển Tạng Kinh một ngàn biến.(Đây gọi là: Câu chữ Kim Cương giáng phục bốn Ma, giải thoát sáu nẻo, mãn túc Nhất Thiết Trí Trí)

Thượng Phẩm Tất Địa A Tông Lãm Hàm Khiếm (𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖛_ A VAM RAM HAM KHAM) có tên gọi là **Bí Mật Tất Địa**, cũng có tên là **Thành Tự Tất Địa** hoặc gọi là **Tô Tất Địa** (Susiddhi). Tô Tất Địa là khắp Pháp Giới, thành tựu Phật Quả, chứng Đại Bồ Đề, lời ẩn kín (bí ngôn) của Pháp Giới, viên mãn quang minh. Chỉ có Phật với Phật mới có thể nhập vào Môn này, hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng thể chiếu soi. Đây cũng gọi là Bí Mật Tất Địa (Gùhya Siddhi). Nếu tụng một biến sẽ như chuyển Tạng Kinh 100 vạn biến.

Xuất Tất Địa từ bàn chân đến eo lưng. **Nhập Tất Địa** từ eo lưng đến trái tim. **Bí Mật Tất Địa** từ trái tim đến đỉnh đầu. Như vậy là ba Tất Địa.

Xuất Tất Địa là **Hóa Thân Thành Tự**. Nhập Tất Địa là **Báo Thân Thành Tự**. Bí Mật Tất Địa, Tô Tất Địa là **Pháp Thân Thành Tự**. Thật sự là Tạng của ba loại **Thường Thân Chính Pháp**, Thế Già Na đầy đủ của Pháp Thân, cội nguồn chân thật của ba Bộ năm Bộ. Chính vì thế cho nên cúi đầu lễ Tỳ Lô Giá Na Phật.

Ba loại năm chữ này tức là 15 chữ, tức 13 loại Kim Cương Tam Muội. Một chữ tức 15 chữ, 15 chữ tức một chữ, một chữ tức 5 chữ, 5 chữ tức một chữ. Nghịch thuận xoay chuyển đầu cuối chẳng hai

Nay trong 8 Môn bao quát nhiếp vạn Pháp. Trong một chữ nhiếp tất cả chữ, trong tất cả chữ nhiếp một chữ. Dùng một chữ giải thích tất cả chữ, dùng tất cả chữ giải thích một chữ. Dùng một chữ thành lập tất cả chữ, dùng tất cả chữ thành lập một chữ. Dùng một chữ phá tất cả chữ, dùng tất cả chữ phá nghĩa của một chữ. Tức là thuận một lần thì nghịch một lần.

Tiếp thuận xoay chuyển bốn lần. Tiếp nghịch xoay chuyển bốn lần, nghĩa là lợi ích cho tất cả chúng sinh ở mười phương Giới đều thành Phật

Tâm **Hãn Lật Đà** (Hrdaya) của người phàm (Đây nói là Tâm chân thật) có hình giống như hoa sen chưa hé nở, gân mạch bên phải ước chia thành tám phần, người nam hướng lên trên, người nữ hướng xuống dưới

Quán hoa sen này khiến cho nó hé nở thành hoa sen màu trắng có tám cánh. Trên cái Đài này, quán chữ A (𑖀) làm hình sắc Kim Cương (Kim Cương Sắc:Vajra-Rupa). Lại từ chữ A như cái Đài màu vàng hình vuông, thân ở ngay trong đó.

Từ chữ A xuất ra chữ La (𑖀-RA) thiêu đốt thân đều thành đám tro xong, trong tro này sinh chữ Phộc (𑖀-VA) có sắc thuần màu trắng. Từ đây sinh ra **A Tông Lãm Hàm Khiếm** (𑖀𑖩𑖫𑖛𑖫𑖛_ A VAM RAM HAM KHAM) rồi liền từ bên dưới eo lưng đến trên đỉnh đầu, an lập năm chỗ trên thân, ấy là Tâm Tịnh Bồ Đề

Dùng Môn năm chữ này làm duyên sinh gốc rễ Đại Bi, tăng trưởng cây vua Sa La của Phật, đời bày tràn khắp Pháp Giới. Xong tất cả Pháp tức do Môn năm Chữ

này, vốn chẳng sinh, lìa ngôn thuyết, tự Tính trong sạch, không có nhân duyên như hư không, làm vị trí của tám cánh. Ấy là từ rốn đến trái tim làm Đài Kim Cương (Cộng đứng trong biển), rốn làm biển lớn. Từ rốn trở xuống là vị trí của chư Tôn **Địa Cư** ở ngay bên cạnh bờ biển, ấy là từ biển Đại Bi của chư Phật sinh ra TRÍ Kim Cương, từ Trí Kim Cương sinh ra tất cả Phật Hội ở trên Đài hoa tám cánh của trái tim này. Rồi quán chữ A (𑖀), từ chữ này xuất ra vô lượng ánh sáng, từ trong trái tim phóng tán bốn phương rồi hợp làm vòng hoa ánh sáng (Quang man) giống như vòng hoa (hoa man) tràn khắp tất cả cõi Phật. Ánh sáng này từ bao vòng đỉnh đầu đến bàn chân, xoay chuyển nhiều quanh thân của Hành Giả.

Lại quán chữ Âm (𑖩 -AM) ngay trên đỉnh đầu chuyển thành **Trung Thai Tạng**. Từ chữ này sinh ra ánh lửa rực của ba lớp. Ánh sáng của một lớp nhiều quanh khắp trên cổ họng, từ cổ họng đến đỉnh tướng, tùy theo nơi soi chiếu đến rồi các Tôn tùy hiện thành Mạn Trà La của viện thứ nhất (Đệ Nhất Viện Mạn Trà La)

Tiếp, ánh sáng của một lớp nhiều quanh khắp trên trái tim, từ rốn lên đến cổ họng rồi các Tôn tùy hiện thành Mạn Trà La của lớp thứ hai (Đệ Nhị Trùng Mạn Trà La)

Tiếp, ánh sáng của một lớp nhiều quanh khắp trên lỗ rốn, từ rốn trở xuống rồi các Tôn tùy hiện thành Mạn Trà La của lớp thứ ba (Đệ Tam Trùng Mạn Trà La), tức là **Thế Gian Thiên Viện** vậy.

Hình sắc, tướng tốt của các Tôn mỗi mỗi đều khác biệt, rõ ràng đầy đủ trong thân của mình giống như Thân nhập vào Phật Hội. Rồi thân của mình đều thành **Mạn Trà La Thân**, tức là **Phổ Môn Pháp Giới Thân**

Trung Thai Tạng ấy tức là Đức Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) ở chính giữa đóa hoa tám cánh trên trái tim. Tức ở trên Đài hoa sen ở trái tim này làm Trung Thai của Mạn Trà La (Mạn Trà La Trung Thai)

Tám cánh bên ngoài ấy cũng tùy theo vị trí của Đức Phật mà an bày theo thứ tự. Bốn phương tức là bốn **Trí** của Như Lai, bốn cánh ở góc tức là bốn **Nhiếp Pháp**

Phổ Hiền (Samanta-bhadra) ở phương Đông Nam là **Tâm Bồ Đề**, đây là Nhân màu nhiệm (Diệu Nhân)

Tiếp **Văn Thù** (Mañju'srī) ở phương Tây Nam là **Đại Trí Tuệ**

Tiếp **Di Lạc** (Maitre) ở phương Đông Bắc là **Đại Từ**. Đại Từ Đại Bi đều là nghĩa thứ hai

Tiếp **Quán Âm** (Avalokite'svara) ở phương Tây Bắc tức là **Chứng**. Ấy là Hạnh nguyện thành tựu nhập vào Tam Muội của Đài hoa này

Trong bốn cánh ở bốn phương. Chữ A đầu tiên (𑖀-A) tại phương Đông dụ cho **Tâm Bồ Đề**, cùng tốt là sự khởi đầu của vạn Hạnh, có màu vàng là Tính của Kim Cương. Tên gọi của vị ấy là **Bảo Tràng** (Ratna-ketu), cũng gọi là **A Súc Phật** (Akṣobhya)

Tiếp chữ A (𑖀-À) ở phương Nam là **Hạnh**, có màu đỏ là nghĩa của lửa (Hỏa) tức đồng với nghĩa của Văn Thù. Tức là **Hoa Khai Phu** (Sumkusumita-ràja) , cũng có tên gọi là **Bảo Sinh Phật** (Ratna-sambhava)

Tiếp chữ Âm (𑖂-AM) ở phương Tây là **Bồ Đề**. Do vạn Hạnh cho nên thành Đẳng Chính Giác, có màu trắng tức là nghĩa cùng cực của sự sáng tròn trịa (viên minh cứu cực), lại là nghĩa của nước (Thủy). Đức Phật ấy có tên gọi là **A Di Đà** (Amitàyus_Amitàbha)

Tiếp chữ Ac (𑖄-AH) ở phương Bắc là quả của **Chính Đẳng Giác**. Đức Phật ấy có tên gọi là **Cổ Âm** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa), là **Thích Ca Mâu Ni** ('Sàkya-muṇi), tức là **Đại Niết Bàn**. Cùng cực của dấu tích quay trở lại gốc cho nên là **Niết Bàn**. Ngày Đức Phật tự ẩn nơi núi Niết Bàn cho nên có màu đen

Tiếp liền nhập vào chữ Ac ở giữa (𑖄-ÀH) là **Phương Tiện**, liền biết Thể Pháp Giới của Tâm này xưa nay là tướng thường tịch diệt. Đây là Thân **Bản Địa** của Tỳ Lô Giá Na, Thể của đài hoa vượt hơn tám cánh, dứt hẳn phương sở, chẳng phải là cảnh giới của **Hữu Tâm** (tâm chấp vào sự có), chỉ có Phật với Phật mới có thể biết

Dùng phương tiện này đồng với Đại Không mà hiện mọi tượng, chính giữa trống rỗng đủ tất cả hình sắc, tức là gia trì Thế Giới, Hội **Phổ Môn** của Mạn Trà La không nơi nào không có. Thế nên tám cánh đều là một Thể của Đại Nhật Như Lai.

Chính vì thế cho nên Đại Nhật Tôn ở chính giữa là **Pháp Thân**, Ấn Kim Cương Tuệ của Bí Mật Chủ là **Bát Nhã**, Quán Tự Tại trì Ấn Liên Hoa là **Giải Thoát** . Ất Thân Mật là Đức của Pháp Thân, Khẩu Mật là Đức của Bát Nhã, Ý Mật là Đức của Giải Thoát

Nhân Bát Nhã cho nên được Giải Thoát, Giải thoát nhân theo Bát Nhã. Hai điều này y theo Thể của Pháp Thân, chẳng hiện chẳng lìa, thiếu một chẳng được, giống như ba điểm của chữ I (◦◦)

Tâm Bồ Đề là Kim Cương Bộ, Đại Bi là Liên Hoa Bộ, Phương Tiện là Thân Ứng Hóa. Chính vì thế cho nên chữ A (𑖀) là Thai Nội (bên trong Thai) chỉ địa vị tại Đẳng Giác , dùng chữ Sa (𑖀-SA) lúc trước nên ngoài Thai (Thai Ngoại) chỉ địa vị Diệu Giác, chữ Phộc (𑖀-VA) là Dụng. Tất cả Pháp chuyển đều y theo Môn này phóng túng lưu dấu hai Hóa tế độ mười cõi (thập Giới)

Như Lai Trí Ấn này là thật tướng của Tâm, quả Nhất Thiết Trí Trí. Tức Tâm Bồ Đề làm Nhân, Đại Bi làm gốc rễ, Phương Tiện làm Cứu Cánh. Dùng Môn Nhất Thiết Trí, nắm loại nghĩa làm mọi Duyên

Nếu có chúng sinh biết Pháp Giáo này thì người đời nên cúng dường giống như kính Chế Để (Caitye_Tháp Xá Lợi). Chế Để là chỗ chứa Xá Lợi ('Sàrira) của **Sinh Thân** thế nên chư Thiên, người đời cầu Phước thảy đều cúng dường. Nếu Hành Nhân tin nhận nghĩa như vậy tức là nơi chứa Xá Lợi của Pháp Thân

Lại theo âm Phạn thì **Chế Để** (Caitye) và **Chất Đa** (Citta) đồng Thể . Bí mật trong đây nói là **Tâm là tháp Phật** như Mạn Trà La thứ ba dùng trái tim (Tâm) của mình làm nền , thứ tự tăng thêm cho đến Trung Thai, màu sắc của Niết Bàn ở trên cùng, cho nên Chế Để này rất cao.

Lại từ tám cánh của Trung Thai thứ tự tăng thêm cho đến Thân tùy loại Phổ Môn thứ ba, không có nơi nào không tràn khắp, cho nên Chế Để này rất rộng. **Liên Hoa Đài Đạt Ma Đà Đô** ấy là Xá Lợi của Pháp Thân vậy.

Nếu chúng sinh giải được **Ấn Bồ Đề** của **Tâm** này tức đồng với Tỳ Lô Giá Na cho nên nói là: “*Thế Gian nên cúng dường giống như kính Chế Để* “

Có điều Thân, Cõi của Tỳ Lô y theo Chính Tướng dung nhiếp, Tính Tướng đồng một Chân Như tràn khắp Pháp Giới Đại Ngã; Thân Khẩu Ý bình đẳng như thái hư không, dùng hư không làm Đạo Trường, dùng Pháp Giới làm giường ngồi

Đại Nhật Như Lai vì khiến cho thấy biết Đạo này nên bày ra hai loại Pháp Thân. **Trí Pháp Thân Phật** trụ **Lý Thật Tướng**, vì Tự Thọ Dụng nên hiện ra 37 Tôn khiến cho tất cả vào Đạo **không hai** . **Lý Pháp Thân Phật** trụ như tịch chiếu, Pháp Nhiên thường trụ chẳng động, hiện ở tám cánh. Vì Tự Tha Thọ Dụng nên bày ra ba lớp Mạn Trà La khiến cho mười cõi chứng Đại Không

Tuy Lý Trí đó , rộng lược có sai khác nhưng xưa nay một Pháp thường không có sai khác, vạn Pháp quy về một chữ A, năm Bộ đồng một Già Na vậy.

Ta y Tỳ Lô Giá Na Phật
Mở Tâm, Trí Ấn bày Tiêu Nghĩa (Nghĩa tiêu biểu)
Vô lượng Công Đức trang nghiêm khắp
Đồng vào Tổng Trì các Thiện Thệ
Nguyện cùng kẻ có duyên tu học
An trụ biển thanh tịnh vô thượng

PHÁP CHÂN NGÔN BÍ MẬT CỦA BA LOẠI TẤT ĐỊA
MỘT QUYỂN (Hết)

03/10/2008